

Số: 259/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Nguyễn Giang N**, sinh năm 1983

2/ Bà **Nguyễn Thị Quỳnh N1**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: 253 B, Phường A, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số: 01/05, cấp ngày 8/9/2005 do Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố H cấp thì ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp khiến cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay, hai bên đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Nam K, sinh ngày 24/11/2008. Hai bên thỏa thuận giao trẻ K cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

[5] Về tài sản chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Nam K, sinh ngày 24/11/2008 cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà N1 và ông N nộp, được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0016145 ngày 7/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
 - Chi cục THADS Q.Tân Bình;
 - UBND phường A, quận T
- (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số: 01/05, cấp ngày 8/9/2005
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Út

